

TRẦN HỮU SƠN



XÂY DỰNG
ĐỜI SỐNG VĂN HÓA
Ở VÙNG CAO



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

MỤC LỤC

- * Vấn đề xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở vùng cao. 5
- * Văn hoá dân tộc Hmông vùng Tây Bắc với vấn đề phát triển. 42
- * Làng Hmông vùng Tây Bắc với vấn đề xây dựng đời sống văn hoá. 85
- * Xây dựng mô hình làng du lịch văn hoá. 138
- * Chợ ở các tỉnh miền núi phía Bắc - một trung tâm sinh hoạt văn hoá. 161
- * Ảnh hưởng của du lịch đến một số thiết chế xã hội của người Hmông ở Sa Pa 251
- * Diện mạo sinh hoạt văn hoá dân gian ở một số đô thị miền núi phía Bắc. 267

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Khái niệm vùng cao không phải là khó nhận biết với mọi người. Tuy vậy, để chỉ rõ đâu là vùng cao và lượng hoá nó theo những tiêu chuẩn cụ thể thì không phải dễ dàng. Bởi vùng cao có thể là cả một vùng rộng lớn, nhưng cũng có thể là một huyện, một xã, thậm chí một làng, một bản.

Nói tới vùng cao thường là đồng nghĩa với xa xôi, là những khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế, văn hoá. Điều đó là thực. Tuy nhiên, qua cuốn sách mà bạn đọc đang có trong tay của Tiến sỹ Trần Hữu Sơn thì ta lại thấy vùng cao không xa xôi; vùng cao có những thế mạnh, tiềm năng của nó, đặc biệt là về lĩnh vực văn hoá. Vấn đề còn lại chính là nhận thức và biện pháp tổ chức, thực hiện. Ở góc độ này thì rõ ràng những bài viết của tác giả đã đóng góp rất cụ thể cả về khía cạnh khoa học và thực tiễn. Nó khoa học vì tác giả đã đi từ những vấn đề có tính bản chất, tính quy luật của văn hoá vùng, văn hoá tộc người để tìm hiểu, khảo cứu theo chủ đề. Nó thực tiễn vì tác giả đã chỉ ra những cái chưa được, cái cần làm, có thể làm để bảo tồn, phát triển văn hoá vùng, văn hoá tộc người trong xu thế vận động, hội nhập tất yếu của nó. Môi trường cụ thể mà tác giả đề cập ở đây là vùng cao - miền núi phía bắc, nhưng rõ ràng vấn đề

không chỉ có ý nghĩa theo không gian cụ thể. Tác giả đề cập tới “Văn hoá ở cơ sở vùng cao” nhưng qua bảy chuyên đề cụ thể chúng ta nhận thấy rõ là có một văn hoá vùng cao - từ truyền thống tới đương đại, thậm chí cả dự báo tương lai. Đây có thể coi là những đóng góp quan trọng của tác giả - một người làm nghiên cứu khoa học song hành với làm công tác quản lý văn hoá ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuy nhiên tiêu đề cuốn sách rất giản dị nhưng chúng tôi nghĩ đây là tài liệu bổ ích cho những người làm khoa học nhân văn, những người chỉ đạo, quản lý và tổ chức, xây dựng đời sống văn hoá vùng các dân tộc và miền núi. Bên cạnh đó, cuốn sách còn có ích cho các nhà quy hoạch, những người làm du lịch trong sự nở rộ và thâm nhập lẫn nhau giữa văn hoá và du lịch của thời kinh tế thị trường đã và đang tới vùng cao.

Với ý nghĩa đó, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc trân trọng giới thiệu cuốn sách này với bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ Ở CƠ SỞ VÙNG CAO

Các đơn vị cơ sở là hạt nhân trong hệ thống kinh tế - xã hội của đất nước. Mọi sự phát triển kinh tế, văn hoá đều thông qua cơ sở, phản ánh ở cơ sở. Vì vậy xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở đã đang và sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của ngành văn hoá thông tin suốt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở vùng cao khi đời sống văn hoá của người dân còn hạn chế thì vấn đề xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở càng trở nên cấp bách.

I- THỰC TRẠNG XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ Ở CƠ SỞ VÙNG CAO

1. Hơn hai mươi năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ V về xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, đời sống văn hoá của người dân vùng cao có sự chuyển biến và từng bước được nâng cao. Sự chuyển biến này phản ánh cả về vấn đề xây dựng các thiết chế văn hoá và tổ chức các mặt (loại hình) hoạt động văn hoá ở các cơ sở vùng cao.

1.1. Xây dựng các thiết chế văn hoá ở cơ sở

Các đơn vị cơ sở ở vùng cao đều có đặc điểm chung, đời sống nhân dân rất nghèo. Đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX có tới 50 - 70% số hộ dân cư ở các thôn bản vùng cao thuộc diện đói nghèo. Hiện nay, tỷ lệ đói nghèo tuy đã giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất so với các khu

vực trong toàn quốc. Năm 2002, tỉnh Lào Cai còn 19,19% số hộ đói nghèo. Trong đó người Kháng, La Ha có 50%, người Phù Lá có 47% hộ đói nghèo, người Hmông có 37% hộ đói nghèo. Hầu hết các xã vùng cao không có nguồn thu hoặc có nguồn thu cũng rất hạn chế. Toàn bộ kinh phí hoạt động của xã đều do ngân sách cấp. Các đơn vị ở cơ sở vùng cao kinh phí do Nhà nước cấp hạn chế, đời sống nhân dân rất nghèo nên vấn đề xây dựng các thiết chế văn hoá ở cơ sở vùng cao càng đặc biệt khó khăn.

Tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng với phương châm xã hội hoá các hoạt động văn hoá, đặc biệt với sự chuyển biến về mặt nhận thức của các cấp Ủy Đảng ở địa phương, vấn đề xây dựng các thiết chế văn hoá cơ sở trong những năm gần đây phát triển khá mạnh, tạo nên sự đột biến so với các thời kỳ trước đây. Mỗi một tỉnh đều có cơ chế, chính sách riêng hỗ trợ xây dựng các thiết chế văn hoá.

Trong hệ thống thiết chế văn hoá ở cơ sở, nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng ở thôn bản đóng vai trò rất quan trọng. Trong xã hội truyền thống, nếu làng người Kinh ở đồng bằng có ngôi đình làm trung tâm sinh hoạt văn hoá, các phum sóc của người Khơ-me Nam Bộ có ngôi chùa làm điểm sinh hoạt văn hoá thì ở vùng cao phía Bắc các “giao” (làng) của người Hmông, “phu” làng của người Hà Nhì, “giăng” của người Dao đều không có một trung tâm sinh hoạt văn hoá tương tự. Hiện nay các giao, giăng, phu... ở vùng cao đều là đơn vị cơ sở hạt

nhân của văn hoá. Các giao, giảng, phu, thôn bản ở vùng cao đều là cấp gần dân nhất. Mọi chủ trương chính sách của hệ thống Đảng và chính quyền từ Trung ương đến xã có đến được với người dân hay không đều thông qua cấp thôn bản. Trong xã hội truyền thống, người dân ở từng thôn bản sống trong môi trường khép kín, quan hệ giữa thôn bản với phường, xã, huyện, tỉnh đều đơn giản, chủ yếu chỉ khuôn vào việc đóng thuế, đi phu. Do đó mỗi năm người dân các thôn bản chỉ họp 1 lần. Nhưng hiện nay, với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, với nhiệm vụ nâng cao dân trí, bảo vệ an ninh quốc phòng, quan hệ công dân giữa người dân với Nhà nước, giữa làng với nước càng khăng khít. Do đó nhu cầu hội họp, học tập của toàn làng được đặt ra thường xuyên. Quy mô làng, bản được mở rộng gấp bốn, năm lần các làng trước Cách mạng tháng Tám. Dân làng, bản có nhu cầu hội họp, học tập, sinh hoạt văn hoá nhưng không có địa điểm sinh hoạt cộng đồng. Nhu cầu có nhà văn hoá cộng đồng của thôn bản trở nên cấp bách và tạo thành nguyên nhân bùng nổ việc xây dựng nhà văn hoá cộng đồng thôn bản trong thời gian qua ở một số tỉnh vùng cao và miền núi. Tỉnh Tuyên Quang là tỉnh miền núi đầu tiên xây dựng chương trình trọng tâm xây dựng nhà văn hoá cộng đồng. Từ năm 1999 - 2000, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có nghị quyết đầu tư 19 tỷ đồng hỗ trợ nhân dân xây dựng 1779 nhà văn hoá cộng đồng thôn bản, tổ dân phố. Đến cuối năm 2003, Tuyên Quang đã xây dựng được 1339 nhà văn hoá thôn bản. Tỉnh Sơn La đầu tư gần 8 tỷ đồng xây dựng 158 nhà văn hoá xã (mỗi

nhà văn hoá được ngân sách hỗ trợ 50 triệu đồng). Tỉnh Lào Cai xác định xây dựng đời sống văn hoá cơ sở là một trong 7 chương trình hướng về cơ sở của toàn tỉnh. Trong 2 năm 2002 - 2003, Nhà nước và nhân dân đầu tư hơn hai tỷ đồng xây dựng 108 nhà văn hoá thôn bản. Các thôn bản có hoàn cảnh đặc biệt (phục vụ du lịch, chống truyền đạo trái phép, có phong trào văn hoá văn nghệ phát triển mạnh) được Nhà nước hỗ trợ từ 20 triệu đến 30 triệu đồng xây dựng nhà văn hoá cộng đồng. Nhà văn hoá cộng đồng thôn bản bao gồm các ngôi nhà có diện tích từ 60m² đến 100m² có sân vui chơi thể thao, tổ chức lễ hội. Năm 2004 tỉnh Cao Bằng cũng đầu tư hơn 10 tỷ đồng xây dựng hệ thống nhà văn hoá cộng đồng thôn bản. Hệ thống nhà văn hoá xã ở thập kỷ 90 thế kỷ XX có phát triển nhưng không mạnh, các nhà văn hoá này chủ yếu tập trung ở các xã trung tâm cụm dân cư hoặc thị tứ.

Bên cạnh thiết chế văn hoá cộng đồng thôn bản, ở vùng cao, bưu điện văn hoá xã phát triển khá mạnh. Năm 2003, tính riêng trên địa bàn 6 tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Tuyên Quang đã có 472 bưu điện văn hoá xã, nhiều nhất là tỉnh Cao Bằng có 156 điểm. Các công trình này đều do ngành bưu điện đầu tư. Đây là điểm đọc sách báo cho người dân ở các xã vùng cao. Thư viện ở các xã, phường, các thôn bản bước đầu hình thành nhưng còn gặp nhiều khó khăn. Trong 6 tỉnh vùng cao và miền núi phía Bắc mới có 183 thư viện, phòng đọc sách xã phường và thôn bản. Trong đó chỉ có 15 phòng đọc sách ở thôn bản.